

Số: /TB-CCTT&BVTV

Vĩnh Phúc, ngày tháng 3 năm 2021

**THÔNG BÁO**  
**TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI CÂY TRỒNG 7 NGÀY**  
(Từ ngày 03/03 đến ngày 09/03/2021)

**I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG**

**1. Thời tiết**

Trong tuần trời âm u, mưa phùn, ít nắng. Lượng mưa đo được tại Vĩnh Yên 7mm (thấp hơn CKNT). Nhiệt độ trung bình 21<sup>0</sup>C (thấp hơn CKNT), cao nhất 26<sup>0</sup>C, thấp nhất 17<sup>0</sup>C.

Âm độ trung bình 77 - 85% (cao hơn CKNT).

Số giờ nắng đạt 8 - 12 giờ (thấp hơn CKNT).

**2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng**

Diện tích gieo trồng vụ Đông Xuân 2020 - 2021:

- Lúa xuân: Diện tích lúa gieo, cấy: 29.398,0 ha (đẻ nhánh - cuối đẻ nhánh).
- Ngô: 1.844,7 ha (cây con - PTTL);
- Đậu tương: 52,5 ha (cây con - PTTL);
- Lạc: 1.366,9 ha (cây con);
- Khoai lang: 171,0 ha (PTTL)
- Rau các loại: 2.188,3 ha (các giai đoạn);
- Cây trồng khác: 732ha (các giai đoạn).

Thời tiết trong tuần trời âm u, mưa phùn, ít nắng, cây trồng sinh trưởng, phát triển bình thường. Một số đối tượng sâu, bệnh phát sinh gây hại nhẹ.

**II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI 7 NGÀY QUA**

Trưởng thành vào bẫy đèn (con/đèn/đêm): Sâu đục thân 2 chấm 0,2 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 2 con (Phúc Yên); Sâu đục thân cú mèo 0,1 con (tương đương kỳ trước), nơi cao 1 con (Bình Xuyên, Tam Dương); Rầy nâu 1,1 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 9 con (Lập Thạch); Rầy lưng trắng 0,5 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 5 con (Sông Lô); Rầy xanh đuôi đen 0,4 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 3 con (Sông Lô); Sâu cuốn lá nhỏ 0,2 con (thấp hơn kỳ trước), nơi cao 2 con (Phúc Yên).

## **1. Trên lúa**

### **- Trên lúa Xuân sớm**

+ Sâu đục thân cú mèo (tuổi 5) gây hại cục bộ, tỷ lệ danh hại phổ biến 0,3 - 0,5%, cao 1 - 1,5% (Sông Lô).

+ Sâu cuốn lá nhỏ (tuổi 4, 5) gây hại rải rác, mật độ phổ biến 0,5 - 0,7 con/m<sup>2</sup>, cao 2 - 3 con/m<sup>2</sup> (Sông Lô).

+ Rầy nâu, rầy lưng trắng (tuổi 3, 4, 5) gây hại rải rác, mật độ phổ biến 10 - 15 con/m<sup>2</sup>, cao 60 - 70 con/m<sup>2</sup> (Sông Lô).

+ Chuột gây hại diện tích lúa ven đầm, gần đường đi, nơi khô nước, tỷ lệ danh hại phổ biến 1 - 2%, cao 15 - 18% (Sông Lô, Yên Lạc,...).

Ngoài ra ruồi đục lá phát sinh gây hại cục bộ.

### **- Trên lúa Xuân muộn**

+ Sâu cuốn lá nhỏ (tuổi 3, 4, 5) gây hại rải rác, mật độ phổ biến 0,4 - 0,5 con/m<sup>2</sup>, cao 2 - 3 con/m<sup>2</sup> (Sông Lô, Phúc Yên).

+ Chuột gia tăng gây hại với tỷ lệ danh hại phổ biến 1 - 2%, cao 5 - 10% (Tam Đảo, Vĩnh Tường).

Ngoài ra sâu đục thân cú mèo, ruồi đục lá gây hại rải rác.

## **2. Cây rau, màu**

- Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu gây hại rải rác, mật độ phổ biến 0,5 - 1 con/m<sup>2</sup>, cao 2 - 4 con/m<sup>2</sup> (Yên Lạc, Sông Lô,...).

- Trên cây rau thập tự: Sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, bọ nhảy gây hại nhẹ, mật độ sâu xanh phổ biến 0,5 - 1 con/m<sup>2</sup>, cao 1 - 2 con/m<sup>2</sup>; mật độ sâu tơ phổ biến 0,3 - 0,5 con/m<sup>2</sup>, cao 1 - 2 con/m<sup>2</sup>, mật độ sâu khoang 0,1 - 0,2 con/m<sup>2</sup>, cao 1 - 2 con/m<sup>2</sup>, bọ nhảy phổ biến 1 - 2 con/m<sup>2</sup>, cao 3 - 5 con/m<sup>2</sup> (Phúc Yên, Vĩnh yên).

- Trên cây dưa chuột: Bọ trĩ, bệnh sương mai, bệnh phấn trắng, bệnh héo xanh gây hại nhẹ (Tam Dương).

- Trên cây rau su su: Bệnh sương mai hại nhẹ, tỷ lệ lá hại phổ biến 3 - 4%, cao 5 - 10% (Tam Đảo).

## **3. Cây ăn quả (nhãn, vải, xoài)**

- Cây nhãn, vải: Nhện lông nhung, bệnh sương mai gây hại rải rác.

- Cây xoài: Bệnh thán thư gây hại rải rác.

## **4. Cây lâm nghiệp (thông, keo): Sâu róm thông, sâu kèn nhỏ gây hại nhẹ.**

### **III. DỰ BÁO TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TỪ NGÀY 10/03 - 16/03/2021**

#### **1. Cây lúa**

- Trên lúa Xuân sớm: Sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, rầy, chuột và ruồi đục lá tiếp tục gây hại rải rác. Chú ý theo dõi bệnh đạo ôn lá để phát hiện sớm, kịp thời tổ chức phòng chống bằng thuốc đặc hiệu.

- Trên lúa Xuân muộn: Sâu đục thân, chuột, ruồi đục lá, bọ trĩ, bệnh đạo ôn lá... hại rải rác.

#### **2. Cây ngô**

Sâu keo mùa thu phát sinh gây hại nhẹ - trung bình.

#### **3. Cây rau**

- Trên cây dưa chuột: Bọ trĩ, bệnh héo xanh, bệnh sương mai, bệnh phấn trắng phát sinh gây hại rải rác.

- Trên rau thập tự: Bọ nhảy, sâu khoang, sâu xanh, sâu tơ, bệnh sương mai gây hại nhẹ.

- Trên cây su su: Bệnh sương mai gây hại cục bộ.

#### **4. Cây ăn quả (nhãn, vải, xoài)**

- Cây nhãn, vải: Nhện lông nhung, bệnh sương mai tiếp tục gây hại nhẹ.

- Cây xoài: Sâu bệnh gây hại rải rác.

### **IV. ĐỀ NGHỊ VÀ CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ**

#### **1. Đề nghị**

Trạm Trồng trọt & BVTV các huyện, thành phố: Phối hợp với phòng Nông nghiệp & PTNT (Kinh tế), trạm Khuyến nông trên địa bàn hướng dẫn nông dân thực hiện bón phân thúc đòng trà Xuân sớm và bón thúc đẻ nhánh trà Xuân muộn. Cần duy trì nước trong ruộng đảm bảo để cây sinh trưởng phát triển tốt.

Tăng cường thăm đồng, kiểm tra, phát hiện sớm các đối tượng sinh vật gây hại để chủ động phòng chống kịp thời (chú ý bệnh đạo ôn, bọ trĩ, ruồi đục lá, chuột,... hại lúa).

#### **2. Biện pháp quản lý**

- Trên lúa Xuân: Khi bệnh đạo ôn lá phát sinh gây hại với tỷ lệ lá hại từ 5 - 10% cần phun ngay bằng các loại thuốc đặc hiệu như: Bump 600WP, Fuji-one 40EC, Filia 525SE, Bankan 600WP, Amistar Top 325 SC, Kabim 30WP... Những ổ bệnh nặng trên 20% lá hại cần phun nhắc lại lần 2 cách lần 1 từ 5 - 7 ngày.

- Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu dùng thuốc: Angun 5WG, Emaben 3,6WG, Dylan 10WG, Vimatox 1,9EC,...

- Trên cây rau: Sâu xanh, sâu tơ, sâu khoang dùng thuốc Kajio 5EC, Dylan 2 EC, Tập kỳ 1.8EC....; bọ nhảy dùng thuốc Bamectin 5.55EC, Shertin 5.0EC, Abatimec 1.8EC... Bệnh sương mai dùng thuốc Score 250EC, Daconil 500SC, Ridomil Gold 68WG,....

- Trên cây ăn quả: Nhện hại dùng thuốc Comite 73EC, Catex 3.6EC...; bệnh sương mai, thán thư dùng thuốc Niko 72WP, Zineb bul 80WP, Anvil 5SC...

Lưu ý: Khi phun cần tuân thủ theo nguyên tắc 4 đúng và đảm bảo thời gian cách ly trước khi thu hoạch.

Trên đây là Thông báo tình hình sinh vật hại cây trồng 7 ngày (từ ngày 03/03 - 09/03/2021), Chi cục Trồng trọt & BVTV Vĩnh Phúc trân trọng thông báo./.

***Nơi nhận:***

- Cục BVTV (b/c);
- VP UBND tỉnh (b/c);
- Sở NN&PTNT (b/c);
- Cục Thống kê tỉnh;
- TT BVTV phía Bắc;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Các đơn vị liên quan;
- Phòng NN&PTNT (Kinh tế) các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, BVTV.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

**Nguyễn Anh Tuấn**

**BẢNG THỐNG KÊ**  
**DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG SINH VẬT HẠI CHÍNH TRÊN CÂY TRỒNG**  
*(Từ ngày 24/02/2021 đến ngày 02/03/2021)*

Cây trồng	GDST	Sinh vật hại	Mật độ sâu, tỷ lệ hại				Diện tích nhiễm (ha)					DTN so CKNT (ha)	DTPT (ha)	Phân bố
			ĐVT	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng	Nhẹ	TB	Nặng	Mtr			
Lúa xuân sớm	Cuối đẻ nhánh	Chuột	%DH	7,2			59	52	7			-66,3	1650	Rải rác
Lúa xuân muộn	Đẻ nhánh	Chuột	%DH	5,6			46	46				-18,1	2472	Rải rác
		Ruồi đục lá	%DH	10			0,1	0,1				-0,7	-	Cục bộ
Ngô	3 - 6 lá	Sâu keo mùa thu	Con/m <sup>2</sup>	2,7			13	13				-	14	Rải rác
Dưa chuột	Hoa - quả	Bọ trĩ	Con/m <sup>2</sup>	15			10	10				-	10	Rải rác
		Bệnh sương mai	%CH	10			5	5				-	5	Rải rác
		Bệnh phấn trắng	%CH	10			10	10				-	10	Rải rác
		Bệnh héo xanh	%CH	5			5	5				-	5	Rải rác
<b>Tổng DT nhiễm SB</b>							<b>148,1</b>	<b>141,1</b>	<b>7</b>				<b>4166</b>	

**Ghi chú:**GDST: Giai đoạn sinh trưởng; ĐVT: Đơn vị tính; TB: Trung bình; Mtr: Mất trắng; DTN: Diện tích nhiễm; LH: Lá hại; DH: Dảnh hại; CH: Cây hại; CKNT: Cùng kỳ năm trước; PTTL: Phát triển thân lá; DTPT: Diện tích phòng trừ.

**Cán bộ tổng hợp:** `KS.Trần Thị Đoàn Trang.